

Số: 148/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 28 tháng 01 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Hệ thống giám sát và đánh giá hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu cấp quốc gia

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 1055/QĐ-TTg ngày 20 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Hệ thống giám sát và đánh giá hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu cấp quốc gia (sau đây gọi tắt là Hệ thống giám sát, đánh giá) với những nội dung sau:

1. Mục tiêu, phạm vi và đối tượng áp dụng

a) Mục tiêu

- Thiết lập và vận hành Hệ thống giám sát, đánh giá cấp quốc gia để giám sát, đánh giá các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1055/QĐ-TTg ngày 20 tháng 7 năm 2020 ban hành Kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Cung cấp cơ sở cho việc quản lý, điều phối và nâng cao hiệu quả thực hiện các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu và công tác quản lý nhà nước về biến đổi khí hậu.

b) Phạm vi và đối tượng áp dụng

- Hệ thống này quy định các nội dung và chỉ số giám sát, đánh giá; trách nhiệm thực hiện; cơ sở dữ liệu giám sát, đánh giá hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Hệ thống này áp dụng đối với các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu thuộc phạm vi quản lý.

2. Nội dung giám sát, đánh giá

a) Công tác quản lý nhà nước về biến đổi khí hậu:

- Hoàn thiện thể chế, chính sách.
- Xây dựng và ban hành chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án.
- Xây dựng và ban hành tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, quy định, hướng dẫn kỹ thuật.
- Xây dựng báo cáo về thích ứng với biến đổi khí hậu.
- Lồng ghép nội dung thích ứng biến đổi khí hậu vào chiến lược, quy hoạch, kế hoạch.
- Hoàn thiện tổ chức, bộ máy và nhân lực ứng phó với biến đổi khí hậu.

b) Tăng cường khả năng chống chịu, năng lực thích ứng với biến đổi khí hậu trong các lĩnh vực:

- Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản.
- Môi trường và đa dạng sinh học.
- Tài nguyên nước.
- Giao thông vận tải.
- Xây dựng, đô thị.
- Công nghiệp, thương mại và dịch vụ.
- Y tế và sức khỏe cộng đồng.
- Lao động, xã hội.
- Văn hóa, thể thao, du lịch.

c) Giảm nhẹ rủi ro thiên tai, giảm thiểu thiệt hại do biến đổi khí hậu:

- Quan trắc khí tượng thủy văn; giám sát biến đổi khí hậu, nước biển dâng và xâm nhập mặn.

- Quản lý rủi ro thiên tai.

d) Nguồn lực cho thích ứng với biến đổi khí hậu:

- Nguồn lực đầu tư.

- Quản lý, sử dụng nguồn lực đầu tư.

đ) Khoa học, công nghệ và hợp tác quốc tế:

- Nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ.

- Hợp tác quốc tế.

e) Đào tạo, tuyên truyền, nâng cao nhận thức:

- Đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ về biến đổi khí hậu.

- Hoạt động tuyên truyền, nâng cao nhận thức về biến đổi khí hậu.

Các nội dung và chỉ số giám sát, đánh giá chi tiết tại Phụ lục I kèm theo Quyết định này.

3. Cơ sở dữ liệu giám sát, đánh giá

Cơ sở dữ liệu giám sát, đánh giá được xây dựng và vận hành trực tuyến, bảo đảm an toàn thông tin, bao gồm:

a) Thông tin về tiến độ, kết quả thực hiện các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu; báo cáo giám sát, đánh giá của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; các thông tin khác có liên quan.

b) Phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu.

4. Trách nhiệm thực hiện giám sát, đánh giá

a) Bộ Tài nguyên và Môi trường là cơ quan đầu mối của Hệ thống giám sát, đánh giá, có trách nhiệm:

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức thực hiện Hệ thống giám sát, đánh giá theo Quyết định này.

- Tổ chức thực hiện giám sát, đánh giá các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu trong phạm vi quản lý.

- Xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu về giám sát, đánh giá các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu đảm bảo cung cấp, chia sẻ thông tin cập nhật về tiến độ, kết quả thực hiện các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Xây dựng phần mềm báo cáo kết quả giám sát, đánh giá trực tuyến; hướng dẫn các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện.

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức thực hiện đánh giá toàn diện kết quả thực hiện các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu theo định kỳ 05 năm.

- Tổng hợp, xây dựng báo cáo giám sát, đánh giá hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu phục vụ công tác quản lý nhà nước về biến đổi khí hậu.

b) Các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm:

- Tổ chức giám sát, đánh giá các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu thuộc phạm vi quản lý.

- Cập nhật thông tin về tiến độ, kết quả thực hiện các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu vào cơ sở dữ liệu của Hệ thống giám sát, đánh giá.

- Báo cáo tổng hợp kết quả giám sát, đánh giá trước ngày 25 tháng 12 hằng năm qua hệ thống trực tuyến theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Mẫu báo cáo quy định tại Phụ lục II của Quyết định này.

5. Kinh phí thực hiện

Kinh phí cho việc tổ chức thực hiện Hệ thống giám sát, đánh giá được sử dụng nguồn ngân sách nhà nước (chi sự nghiệp bảo vệ môi trường) và các nguồn huy động hợp pháp khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Tài nguyên và Môi trường:

a) Tổ chức thực hiện các nội dung nêu tại điểm a khoản 4 Điều 1 Quyết định này; theo dõi, đôn đốc và kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

b) Báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định điều chỉnh, bổ sung các nội dung của Hệ thống giám sát, đánh giá bảo đảm phù hợp với thực tiễn trong quá trình triển khai thực hiện.

2. Các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức thực hiện các nội dung nêu tại điểm b khoản 4 Điều 1 Quyết định này; bố trí kinh phí tổ chức thực hiện giám sát, đánh giá hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu theo Hệ thống này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký ban hành.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này

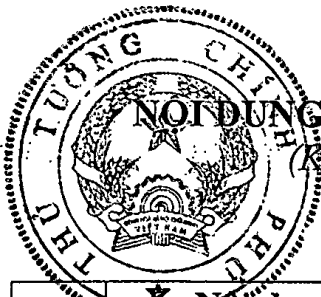
Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, NN (2).



**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**

Lê Văn Thành



Phụ lục I

NỘI DUNG VÀ CHỈ SỐ GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

(Kèm theo Quyết định số 148/QĐ-TTg ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Nội dung giám sát, đánh giá	Chỉ số giám sát, đánh giá	Cơ quan thực hiện
I	Công tác quản lý nhà nước về biến đổi khí hậu		
1	Hoàn thiện thể chế, chính sách	1.1. Đề xuất Luật Biến đổi khí hậu được đưa vào chương trình xây dựng Luật, pháp lệnh của Quốc hội	Bộ TN&MT
		1.2. Số lượng văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến thích ứng biến đổi khí hậu được xây dựng và ban hành	Các bộ, ngành
		1.3. Số lượng cơ chế, chính sách huy động nguồn lực, khuyến khích sự tham gia của các thành phần kinh tế cho hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu; bảo hiểm, chia sẻ rủi ro thiên tai	Các bộ, ngành
2	Xây dựng và ban hành chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án	2.1. Số lượng chiến lược liên quan đến thích ứng với biến đổi khí hậu được ban hành	Các bộ, ngành
		2.2. Số lượng quy hoạch liên quan đến thích ứng với biến đổi khí hậu được ban hành	Các bộ, ngành, địa phương
		2.3. Số lượng kế hoạch liên quan đến thích ứng với biến đổi khí hậu được ban hành	Các bộ, ngành, địa phương
		2.4. Số lượng chương trình, đề án, dự án thích ứng với biến đổi khí hậu được thực hiện	Các bộ, ngành, địa phương
3	Xây dựng và ban hành tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, quy định, hướng dẫn kỹ thuật	3.1. Số lượng các quy chuẩn quốc gia về thích ứng biến đổi khí hậu được ban hành	Các bộ, ngành
		3.2. Số lượng các tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn cơ sở về thích ứng biến đổi khí hậu được ban hành	Các bộ, ngành, địa phương
		3.3. Số lượng hướng dẫn kỹ thuật về thích ứng biến đổi khí hậu được ban hành	Các bộ, ngành, địa phương

TT	Nội dung giám sát, đánh giá	Chỉ số giám sát, đánh giá	Cơ quan thực hiện
4.	Xây dựng báo cáo về thích ứng với biến đổi khí hậu	4.1. Báo cáo quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu	Bộ TN&MT
		4.2. Báo cáo thích ứng quốc gia về biến đổi khí hậu được xây dựng theo định kỳ gửi Ban thư ký Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu	Bộ TN&MT
		4.3. Báo cáo tình hình ứng phó với biến đổi khí hậu thuộc phạm vi, lĩnh vực quản lý	Các bộ, ngành, địa phương
5	Lồng ghép nội dung thích ứng biến đổi khí hậu vào chiến lược, quy hoạch, kế hoạch	5.1. Hướng dẫn lồng ghép nội dung thích ứng với biến đổi khí hậu vào chiến lược, quy hoạch, kế hoạch được ban hành	Bộ TN&MT
		5.2. Tỷ lệ chiến lược, quy hoạch, kế hoạch được lồng ghép nội dung thích ứng với biến đổi khí hậu	Các bộ, ngành, địa phương
6	Hoàn thiện tổ chức, bộ máy và nhân lực ứng phó với biến đổi khí hậu	6.1. Cơ quan chuyên môn về ứng phó với biến đổi khí hậu	Các bộ, ngành, địa phương
		6.2. Số công chức, viên chức, người lao động làm việc trong lĩnh vực ứng phó với biến đổi khí hậu	Các bộ, ngành, địa phương
II	Tăng cường khả năng chống	chịu, năng lực thích ứng với biến đổi khí hậu trong các lĩnh vực	
1	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản	1.1. Số lượng và chủng loại giống cây trồng, vật nuôi mới thích ứng với biến đổi khí hậu được chọn tạo	Bộ NN&PTNT, các địa phương
		1.2. Quy mô áp dụng các giống cây trồng, vật nuôi mới thích ứng với biến đổi khí hậu	Bộ NN&PTNT, các địa phương
		1.3. Số lượng và quy mô các mô hình sản xuất, canh tác thích ứng với biến đổi khí hậu được chuyển đổi	Bộ NN&PTNT, các địa phương
		1.4. Số lượng và quy mô công nghệ, giải pháp hữu ích trong sản xuất, canh tác được ứng dụng	Bộ NN&PTNT, các địa phương
		1.5. Diện tích rừng đặc dụng, phòng hộ ven biển, rừng phòng hộ đầu nguồn được bảo vệ, trồng mới và phục hồi cho mục đích thích ứng với biến đổi khí hậu	Bộ NN&PTNT, các địa phương
		1.6. Số lượng và quy mô công nghệ cao trong dự báo, phòng, chống cháy rừng được ứng dụng	Bộ NN&PTNT, các địa phương

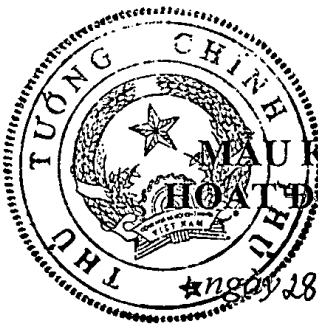
TT	Nội dung giám sát, đánh giá	Chỉ số giám sát, đánh giá	Cơ quan thực hiện
2	Môi trường và đa dạng sinh học	2.1. Bản đồ phân vùng rủi ro do biến đổi khí hậu đối với hệ sinh thái tự nhiên được xây dựng	Bộ TN&MT
		2.2. Số lượng và quy mô các khu bảo tồn, khu cứu hộ, bảo tồn ngoại vi nuôi và nhân giống các loài bị đe dọa được thành lập	Bộ NN&PTNT, các địa phương
		2.3. Số lượng mô hình bảo tồn đa dạng sinh học tại các khu vực có tính đa dạng sinh học cao, dễ bị tổn thương do biến đổi khí hậu được triển khai	Bộ TN&MT, NN&PTNT, các địa phương
		2.4. Tỷ lệ (%) diện tích các hệ sinh thái tự nhiên quan trọng bị suy thoái được khôi phục	Bộ TN&MT, NN&PTNT, các địa phương
		2.5. Số lượng và quy mô các mô hình thích ứng với biến đổi khí hậu dựa vào hệ sinh thái được triển khai	Bộ TN&MT, NN&PTNT, các địa phương
3	Tài nguyên nước	3.1. Số lượng và quy mô các mô hình khai thác, sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả được triển khai	Bộ TN&MT, các địa phương
		3.2. Số lượng và quy mô công trình trữ nước trong điều kiện khan hiếm nước, hạn hán, xâm nhập mặn gia tăng do biến đổi khí hậu được triển khai	Bộ TN&MT, NN&PTNT, các địa phương
		3.3. Số lượng trạm quan trắc, giám sát tài nguyên nước (nước mặt và nước dưới đất) được xây dựng và vận hành	Bộ TN&MT, NN&PTNT, Công Thương, các địa phương
		3.4. Số lượng quy trình vận hành liên hồ chứa trên các lưu vực sông được rà soát, điều chỉnh	Bộ TN&MT, NN&PTNT, Công Thương

TT	Nội dung giám sát, đánh giá	Chỉ số giám sát, đánh giá	Cơ quan thực hiện
4	Giao thông vận tải	4.1. Số lượng công trình/dự án giao thông đường bộ, đường thủy ở khu vực thường bị đe dọa bởi lũ lụt, nước biển dâng, sạt lở đất được xây dựng, cải tạo và nâng cấp	Bộ GTVT, các địa phương
4.2. Khối lượng (km) đường giao thông ở khu vực thường bị đe dọa bởi lũ lụt, nước biển dâng, sạt lở đất được xây dựng, cải tạo và nâng cấp		Bộ GTVT, các địa phương	
5	Xây dựng, đô thị	5.1. Số công trình hạ tầng kỹ thuật phòng, chống ngập lụt ở đô thị được xây dựng, nâng cấp	Bộ Xây dựng, các địa phương
5.2. Tỷ lệ (%) dân cư ở những vùng thường xuyên bị tác động của bão, nước dâng do bão, lũ lụt, xói lở bờ sông, bờ biển, lũ quét, sạt lở đất được bố trí, di dời, sắp xếp		Bộ Xây dựng, các địa phương	
5.3. Số lượng nhà ở an toàn với bão lũ, nước biển dâng được xây dựng		Bộ Xây dựng, NN&PTNT, các địa phương	
6	Công nghiệp, thương mại, dịch vụ	6.1. Số lượng công trình hạ tầng ngành năng lượng được xây dựng, nâng cấp phục vụ thích ứng với biến đổi khí hậu	Bộ Công Thương, các địa phương
6.2. Số lượng công trình hạ tầng sản xuất công nghiệp được xây dựng, nâng cấp phục vụ thích ứng với biến đổi khí hậu		Bộ Công Thương, các địa phương	
6.3. Số lượng công trình hạ tầng thương mại, dịch vụ được xây dựng, nâng cấp phục vụ thích ứng với biến đổi khí hậu		Bộ Công Thương, các địa phương	
7	Y tế và sức khỏe cộng đồng	7.1. Số lượng cơ sở y tế, khám chữa bệnh, phòng chống dịch bệnh tại các vùng chịu nhiều rủi ro trước tác động của biến đổi khí hậu được xây dựng mới, nâng cấp	Bộ Y tế, các địa phương
7.2. Số lượng cơ sở y tế, khám chữa bệnh được cung cấp trang thiết bị dự phòng và điều trị các bệnh liên quan đến biến đổi khí hậu.		Bộ Y tế, các địa phương	

TT	Nội dung giám sát, đánh giá	Chỉ số giám sát, đánh giá	Cơ quan thực hiện
		7.3. Số lượng bản tin cảnh báo nguy cơ dịch bệnh, sức khỏe do thời tiết, khí hậu cực đoan	Bộ Y tế, các địa phương
8	Lao động, xã hội	8.1. Số lượng chương trình đào tạo nghề và chuyển đổi sinh kế cho các cộng đồng, đối tượng dễ bị tổn thương do tác động của biến đổi khí hậu	Bộ LĐ-TB&XH, các địa phương
8.2. Tỷ lệ (%) người dân, nữ giới ở vùng dễ bị tổn thương do tác động của biến đổi khí hậu được đào tạo nghề và chuyển đổi sinh kế		Bộ LĐ-TB&XH, các địa phương	
8.3. Tỷ lệ (%) người dân, nữ giới ở vùng dễ bị tổn thương do tác động của biến đổi khí hậu được đào tạo kỹ năng mềm và thích ứng biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai		Các bộ, ngành, địa phương	
9	Văn hóa, thể thao, du lịch	9.1. Số lượng di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh ở khu vực chịu tác động của biến đổi khí hậu được bảo quản, tu bổ và phục hồi	Bộ VHTT&DL, các địa phương
		9.2. Số lượng cơ sở hạ tầng du lịch ở khu vực chịu tác động của biến đổi khí hậu được xây dựng, nâng cấp	Bộ VHTT&DL, các địa phương
		9.3. Số lượng công trình thể thao ở khu vực chịu tác động của biến đổi khí hậu được xây dựng, nâng cấp	Bộ VHTT&DL, các địa phương
III	Giảm nhẹ rủi ro thiên tai, giảm thiểu thiệt hại do biến đổi khí hậu		
1	Quan trắc khí tượng thủy văn; giám sát biến đổi khí hậu, nước biển dâng và xâm nhập mặn	1.1. Hệ thống giám sát biến đổi khí hậu và nước biển dâng được xây dựng và vận hành	Bộ TN&MT
		1.2. Kịch bản biến đổi khí hậu và nước biển dâng được cập nhật theo định kỳ	Bộ TN&MT
		1.3. Số lượng trạm quan trắc khí tượng thủy văn và giám sát xâm nhập mặn được xây dựng mới, nâng cấp	Bộ TN&MT, các địa phương

TT	Nội dung giám sát, đánh giá	Chỉ số giám sát, đánh giá	Cơ quan thực hiện
2	Quản lý rủi ro thiên tai	2.1. Số lượng bản tin dự báo khí tượng thủy văn và thời tiết; dự báo, cảnh báo sớm thiên tai và các hiện tượng thời tiết, khí hậu cực đoan được phát hành	Bộ TN&MT, các địa phương
		2.2. Tỷ lệ (%) người dân tại các vùng có rủi ro thiên tai trước tác động của biến đổi khí hậu được tiếp cận thông tin dự báo, cảnh báo	Bộ TN&MT, các địa phương
		2.3. Tỷ lệ hộ gia đình trong vùng có nguy cơ rủi ro thiên tai được di dời đến nơi an toàn.	Bộ NN&PTNT, các địa phương
		2.4. Số lượng bản đồ phân vùng rủi ro thiên tai cho phạm vi cả nước, chi tiết đến cấp xã đặc biệt đối với các khu vực có nguy cơ rủi ro cao được xây dựng	Bộ TN&MT, NN&PTNT các địa phương
		2.5. Số công trình thủy lợi, thủy điện, phòng chống thiên tai được xây dựng, nâng cấp, đảm bảo an toàn	Bộ NN&PTNT, Bộ Công Thương, các địa phương
		2.6. Tổn thất, thiệt hại do biến đổi khí hậu được thống kê, báo cáo theo định kỳ	Các bộ, ngành, địa phương
		2.7. Số lượng hồ chứa có phương án phòng lũ cho hạ du trong tình huống xả khẩn cấp và vỡ đập	Các bộ, ngành, địa phương
IV	Nguồn lực đầu tư cho thích ứng với biến đổi khí hậu		
1	Nguồn lực đầu tư	1.1. Ngân sách nhà nước	Các bộ, ngành, địa phương
		1.2. Vốn hỗ trợ quốc tế (ODA vốn vay và không hoàn lại)	Các bộ, ngành, địa phương
		1.3. Vốn từ khu vực tư nhân	Các bộ, ngành, địa phương

TT	Nội dung giám sát, đánh giá	Chỉ số giám sát, đánh giá	Cơ quan thực hiện
2	Quản lý, sử dụng nguồn lực đầu tư	2.1. Tỷ lệ giải ngân vốn cho thích ứng với biến đổi khí hậu	Các bộ, ngành, địa phương
V	Khoa học, công nghệ và hợp tác quốc tế		
1	Nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ	1.1. Số chương trình, nhiệm vụ khoa học và công nghệ phục vụ thích ứng với biến đổi khí hậu được triển khai	Bộ KH&CN
		1.2. Số công nghệ ứng dụng cho hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu	Các bộ, ngành, địa phương
		1.3. Số lượng sáng chế, giải pháp hữu ích phục vụ thích ứng với biến đổi khí hậu được nộp đơn, cấp bằng, ứng dụng trong thực tiễn	Bộ KH&CN, các địa phương
2	Hợp tác quốc tế	2.1. Số điều ước, thỏa thuận quốc tế về biến đổi khí hậu tham gia	Bộ TN&MT
		2.2. Số chương trình, dự án hợp tác quốc tế về thích ứng với biến đổi khí hậu được triển khai	Các bộ, ngành, địa phương
VI	Đào tạo, tuyên truyền, nâng cao nhận thức		
1	Đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ về biến đổi khí hậu	1.1. Số lượng công chức, viên chức, người lao động được đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn về biến đổi khí hậu	Các bộ, ngành, địa phương
		1.2. Số lượng cơ sở giáo dục, đào tạo có giảng dạy về biến đổi khí hậu	Các bộ, ngành, địa phương
2	Hoạt động tuyên truyền, nâng cao nhận thức về biến đổi khí hậu	2.1. Số chương trình, hoạt động tuyên truyền, nâng cao nhận thức thích ứng với biến đổi khí hậu	Các bộ, ngành, địa phương
		2.2. Tỷ lệ người dân được tuyên truyền, nâng cao nhận thức thích ứng với biến đổi khí hậu	Các bộ, ngành, địa phương



Phụ lục II

**MAU KHUNG BÁO CÁO GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ
HOẠT ĐỘNG THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU**

(Kèm theo Quyết định số 148/QĐ-TTg

ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ quan báo cáo:.....

2. Kỳ báo cáo: Từ ngày/...../..... đến ngày...../...../.....

3. Họ tên người tổng hợp:

Thông tin liên hệ: Điện thoại.....E-mail:

B. KẾT QUẢ GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ

I. CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

1. Hoàn thiện thể chế, chính sách

[Liệt kê đầy đủ các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu như Luật, Nghị định, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư của các bộ, ngành, Nghị quyết, Quyết định của chính quyền địa phương... đang xây dựng và đã ban hành]

Bảng I-1.1. Danh mục các văn bản quy phạm pháp luật được xây dựng, ban hành

TT	Tên văn bản quy phạm pháp luật	Tình trạng	
		Đang xây dựng	Đã ban hành
1			
2			
3			
...			

Bảng I-1.2. Danh mục các cơ chế, chính sách huy động nguồn lực, khuyến khích sự tham gia của các thành phần kinh tế cho hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu; bảo hiểm, chia sẻ rủi ro thiên tai được xây dựng, ban hành

[Liệt kê đầy đủ các cơ chế, chính sách huy động nguồn lực, khuyến khích đầu tư... đang xây dựng và đã ban hành]

TT	Tên văn bản, cơ chế, chính sách	Tình trạng	
		Đang xây dựng	Đã ban hành
1			
2			
3			
...			

2. Xây dựng và ban hành chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án

[Liệt kê đầy đủ chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án... đang xây dựng và đã ban hành]

Bảng I-2.1. Danh mục chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án

TT	Tên chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, đề án, dự án	Tình trạng	
		Đang xây dựng	Đã ban hành
1			
2			
3			
...			

3. Xây dựng và ban hành tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, quy định, hướng dẫn kỹ thuật

[Liệt kê các tiêu chuẩn (tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn cơ sở), quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật địa phương), quy định, hướng dẫn kỹ thuật đang xây dựng và đã ban hành]

Bảng I-3.1. Danh mục các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, quy định, hướng dẫn kỹ thuật

TT	Tên tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, quy định, hướng dẫn kỹ thuật	Tình trạng	
		Đang xây dựng	Đã ban hành
1			
2			
3			
...			

4. Xây dựng báo cáo về thích ứng với biến đổi khí hậu

[Liệt kê các báo cáo về thích ứng với biến đổi khí hậu đang xây dựng và đã hoàn thành]

Bảng I-4. Danh mục các báo cáo về thích ứng với biến đổi khí hậu đã xây dựng

TT	Danh mục các báo cáo về thích ứng với biến đổi khí hậu	Tình trạng	
		Đang xây dựng	Đã hoàn thành
1	Báo cáo quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu		
2	Báo cáo thích ứng quốc gia về biến đổi khí hậu được xây dựng theo định kỳ gửi Ban thư ký Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu		
3	Báo cáo tình hình ứng phó với biến đổi khí hậu thuộc phạm vi, lĩnh vực quản lý		

5. Lòng ghép nội dung thích ứng biến đổi khí hậu vào chiến lược, quy hoạch, kế hoạch

[Liệt kê chiến lược, quy hoạch, kế hoạch có lòng ghép nội dung biến đổi khí hậu]

Bảng I-5.1. Danh mục chiến lược, quy hoạch, kế hoạch có lòng ghép nội dung biến đổi khí hậu

TT	Tên chiến lược, quy hoạch, kế hoạch	Nội dung biến đổi khí hậu được lòng ghép
1		
2		
3		
...		

6. Hoàn thiện tổ chức, bộ máy và nhân lực ứng phó với biến đổi khí hậu

[Thống kê cơ quan chuyên môn và nhân lực (công chức, viên chức và người lao động) làm công tác ứng phó với biến đổi khí hậu thuộc bộ, ngành/Ủy ban nhân dân cấp tỉnh]

Bảng I-6.1. Danh mục cơ quan, đơn vị và số lượng công chức, viên chức, người lao động làm việc trong lĩnh vực ứng phó với biến đổi khí hậu

TT	Tên cơ quan, đơn vị chuyên môn	Số lượng công chức, viên chức (Người)
1		
2		
3		
...		

II. TĂNG CƯỜNG KHẢ NĂNG CHỐNG CHỊU, NĂNG LỰC THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU TRONG CÁC LĨNH VỰC

1. Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản

[Cung cấp thông tin về giống cây trồng, vật nuôi mới thích ứng với biến đổi khí hậu đã chọn tạo và áp dụng; các mô hình sản xuất, canh tác thích ứng với biến đổi khí hậu... theo các bảng dưới đây]

Bảng II-1.1. Danh mục giống cây trồng, vật nuôi mới thích ứng biến đổi khí hậu được chọn tạo và áp dụng

TT	Tên giống cây trồng, vật nuôi	Quy mô áp dụng (với diện tích cây trồng tính bằng ha; với vật nuôi tính bằng số lượng)
1	Giống cây trồng	
1.1		
1.2		
1.3		
...		
2	Giống vật nuôi	
2.1		
2.2		
2.3		
...		

Bảng II-1.2. Danh mục mô hình sản xuất, canh tác thích ứng với biến đổi khí hậu

TT	Tên mô hình	Địa điểm áp dụng	Quy mô áp dụng
1			
2			
3			
...			

Bảng II-1.3. Danh mục công nghệ, giải pháp hữu ích trong sản xuất, canh tác được ứng dụng

TT	Tên công nghệ, giải pháp hữu ích	Địa điểm áp dụng	Quy mô áp dụng
1			
2			
3			
...			

Bảng II-1.4. Kết quả bảo vệ, trồng mới và phục hồi rừng đặc dụng, phòng hộ ven biển, rừng phòng hộ đầu nguồn cho mục đích thích ứng với biến đổi khí hậu

TT	Hạng mục	Kết quả thực hiện (ha)
1		
2		
3		
...		

Bảng II-1.5. Danh mục công nghệ cao ứng dụng trong dự báo phòng, chống cháy rừng

TT	Tên công nghệ	Quy mô áp dụng (ha)
1		
2		
3		
...		

2. Môi trường và đa dạng sinh học

[Cung cấp các thông tin theo các bảng dưới đây]

Bảng II-2.1. Xây dựng bản đồ phân vùng rủi ro biến đổi khí hậu với hệ sinh thái tự nhiên

TT	Tên bản đồ xây dựng	Phạm vi áp dụng
1		
2		
3		
...		

Bảng II-2.2. Danh mục các khu bảo tồn, khu cứu hộ, bảo tồn ngoại vi nuôi và nhân giống các loài bị đe dọa được thành lập mới

TT	Tên khu	Diện tích (ha)	Địa điểm
1			
2			
3			
...			

Bảng II-2.3. Danh mục mô hình bảo tồn đa dạng sinh học tại các khu vực có tính đa dạng sinh học cao, dễ bị tổn thương do biến đổi khí hậu

TT	Tên mô hình	Diện tích áp dụng (ha)	Địa điểm thực hiện
1			
2			
3			
...			

Bảng II-2.4. Kết quả khôi phục các hệ sinh thái tự nhiên quan trọng bị suy thoái

TT	Tên các hệ sinh thái khôi phục	Diện tích (ha)	Tỷ lệ được khôi phục so với tổng mức độ bị suy thoái (%)	Địa điểm
1				
2				
3				
...				

Bảng II-2.5. Danh mục mô hình thích ứng với biến đổi khí hậu dựa vào hệ sinh thái được triển khai

TT	Danh mục mô hình	Diện tích áp dụng (ha)	Địa điểm
1			
2			
3			
...			

3. Tài nguyên nước

[Cung cấp các thông tin theo các bảng dưới đây]

Bảng II-3.1. Danh mục các mô hình khai thác, sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả được triển khai

TT	Tên mô hình	Địa điểm	Quy mô áp dụng (ha)
1			
2			
3			
...			

Bảng II-3.2. Danh mục công trình trữ nước trong điều kiện khan hiếm nước, hạn hán, xâm nhập mặn gia tăng do biến đổi khí hậu được triển khai

TT	Tên công trình	Địa điểm	Quy mô (m ³)
1			
2			
3			
...			

Bảng II-3.3. Danh mục trạm quan trắc, giám sát tài nguyên nước (nước mặt và nước dưới đất) được xây dựng và vận hành

TT	Tên trạm quan trắc	Địa điểm	Yếu tố quan trắc	Tổng mức đầu tư (tr. đồng)
1				
2				
3				
...				

Bảng II-3.4. Quy trình vận hành liên hồ chứa trên các lưu vực sông được rà soát, điều chỉnh

TT	Tên quy trình ban hành	Tên lưu vực sông
1		
2		
3		
...		

4. Giao thông vận tải

[Cung cấp thông tin theo các bảng dưới đây]

Bảng II-4.1. Danh mục công trình/dự án giao thông đường bộ, đường thủy ở khu vực thường bị đe dọa bởi lũ lụt, nước biển dâng, sạt lở đất được xây dựng, cải tạo và nâng cấp

TT	Tên công trình/dự án	Xây mới	Cải tạo	Nâng cấp	Kinh phí (tr. đồng)
1					
2					
3					
...					

Bảng II-4.2. Khối lượng (km) đường giao thông ở khu vực thường bị đe dọa bởi lũ lụt, nước biển dâng, sạt lở đất được xây dựng, cải tạo và nâng cấp

TT	Tên (ký hiệu) đường giao thông	Xây mới	Cải tạo	Nâng cấp	Chiều dài (km)	Kinh phí (tr. đồng)
1						
2						
3						
...						

5. Xây dựng, đô thị

[Cung cấp thông tin theo các bảng dưới đây]

Bảng II-5.1. Danh mục công trình hạ tầng kỹ thuật phòng, chống ngập lụt ở đô thị được xây dựng, nâng cấp

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Xây mới	Nâng cấp	Kinh phí (tr. đồng)
1					
2					
3					
...					

Bảng II-5.2. Kết quả bố trí, sắp xếp các khu dân cư ở những vùng thường xuyên bị tác động của bão, nước dâng do bão, lũ lụt, xói lở bờ sông, bờ biển, lũ quét, sạt lở đất

TT	Tên khu vực (địa điểm)	Tổng số dân (người)	Số dân cư được bố trí, di dời, sắp xếp (người)	Tỷ lệ % số dân cư được bố trí, di dời, sắp xếp
1				
2				
3				
...				

Bảng II-5.3. Kết quả xây dựng nhà ở an toàn với bão, lũ, nước biển dâng

TT	Tỉnh, thành phố	Số nhà an toàn hoàn thành (cái)	Kinh phí (tr. đồng)
1			
2			
3			
...			

6. Công nghiệp, thương mại và dịch vụ

[Cung cấp thông tin theo các bảng dưới đây]

Bảng II-6.1. Số lượng công trình hạ tầng ngành năng lượng được xây dựng, nâng cấp phục vụ thích ứng với biến đổi khí hậu

TT	Tên công trình	Địa điểm	Xây mới	Nâng cấp	Kinh phí (tr. đồng)
1					
2					
3					
...					

Bảng II-6.2. Số lượng công trình hạ tầng sản xuất công nghiệp được xây dựng, nâng cấp phục vụ thích ứng với biến đổi khí hậu

TT	Tên công trình	Địa điểm	Xây mới	Nâng cấp	Kinh phí (tr. đồng)
1					
2					
3					
...					

Bảng II-6.3. Số lượng công trình hạ tầng thương mại, dịch vụ được xây dựng, nâng cấp phục vụ thích ứng với biến đổi khí hậu

TT	Tên công trình	Địa điểm	Xây mới	Nâng cấp	Kinh phí (tr. đồng)
1					
2					
3					
...					

7. Y tế và sức khỏe cộng đồng

[Cung cấp thông tin theo các bảng dưới đây]

Bảng II-7.1. Kết quả xây dựng, nâng cấp cơ sở y tế, khám chữa bệnh, phòng chống dịch bệnh tại các vùng chịu nhiều rủi ro trước tác động của biến đổi khí hậu

TT	Tên cơ sở y tế, khám chữa bệnh, phòng chống dịch bệnh	Địa điểm	Xây mới	Nâng cấp	Kinh phí (tr. đồng)
1					
2					
3					
...					

Bảng II-7.2. Số lượng cơ sở y tế, khám chữa bệnh được cung cấp trang thiết bị dự phòng và điều trị các bệnh liên quan đến biến đổi khí hậu

TT	Tên cơ sở y tế, khám chữa bệnh	Địa điểm	Kinh phí đầu tư (tr. đồng)
1			
2			
3			
...			

Bảng II-7.3. Kết quả dự báo, cảnh báo dịch bệnh, các nguy cơ sức khỏe do thời tiết, khí hậu cực đoan

TT	Tên bản tin phát hành	Số lượng (bản tin)	Ngày phát hành	Phạm vi dự báo, cảnh báo (tên khu vực)
1				
2				
3				
...				

8. Lao động, xã hội

[Cung cấp thông tin theo các bảng dưới đây]

Bảng II-8.1. Kết quả thực hiện đào tạo nghề và chuyển đổi sinh kế cho các cộng đồng, đối tượng dễ bị tổn thương do tác động của biến đổi khí hậu

TT	Hạng mục	Số người dân tham gia (người)	Tỷ lệ nữ (%)
1	Tên chương trình đào tạo		
1.1			
1.2			
...			
2	Tên chương trình chuyển đổi sinh kế		
2.1			
2.2			
...			

Bảng II-8.2. Kết quả thực hiện đào tạo kỹ năng mềm về thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai

TT	Tên chương trình đào tạo	Số người được đào tạo (người)	Tỷ lệ nữ (%)
1			
2			
3			
...			

9. Văn hóa, Thể thao và Du lịch

[Cung cấp thông tin theo các bảng dưới đây]

Bảng II-9.1. Số lượng di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh ở khu vực chịu tác động của biến đổi khí hậu được bảo quản, tu bổ và phục hồi

TT	Tên di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh	Địa điểm	Bảo quản	Tu bổ và phục hồi	Kinh phí (tr. đồng)
1					
2					
3					
...					

Bảng II-9.2. Số lượng cơ sở hạ tầng du lịch ở khu vực chịu tác động của biến đổi khí hậu được xây dựng, nâng cấp

TT	Tên công trình	Địa điểm	Xây mới	Nâng cấp	Kinh phí (tr. đồng)
1					
2					
3					
...					

Bảng II-9.3. Số lượng công trình thể thao ở khu vực chịu tác động của biến đổi khí hậu được xây dựng, nâng cấp

TT	Tên công trình	Địa điểm	Xây mới	Nâng cấp	Kinh phí (tr. đồng)
1					
2					
3					
...					

III. GIẢM NHẸ RỦI RO THIÊN TAI, GIẢM THIỂU THIẾT HẠI DO BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

1. Quan trắc khí tượng thủy văn; giám sát biến đổi khí hậu, nước biển dâng và xâm nhập mặn

[Cung cấp thông tin theo các bảng dưới đây]

Bảng III-1.1. Kết quả xây dựng hệ thống giám sát biến đổi khí hậu, nước biển dâng; trạm quan trắc khí tượng thủy văn và xâm nhập mặn

TT	Tên công trình	ĐVT	Số lượng	Kinh phí (tr. đồng)
1	Hệ thống giám sát biến đổi khí hậu và nước biển dâng			
2	Trạm quan trắc khí tượng thủy văn và xâm nhập mặn xây mới			
3	Trạm quan trắc khí tượng thủy văn và xâm nhập mặn nâng cấp			
...				

2. Quản lý rủi ro thiên tai

[Cung cấp thông tin theo bảng dưới đây]

Bảng III-2.1. Kết quả dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn; dự báo, cảnh báo thiên tai khí tượng thủy văn; dự báo khí hậu

TT	Loại hình bản tin dự báo, cảnh báo	Số lượng	Phạm vi dự báo, cảnh báo (tên khu vực)
1			
2			
3			
...			

Bảng III-2.2. Tỷ lệ (%) người dân tại các vùng có rủi ro thiên tai trước tác động của biến đổi khí hậu được tiếp cận thông tin dự báo, cảnh báo

TT	Tên khu vực dự báo, cảnh báo	Tổng dân số (người)	Tỷ lệ người dân được tiếp cận thông tin dự báo, cảnh báo (%)
1			
2			
3			
...			

Bảng III-2.3. Số hộ gia đình trong vùng có nguy cơ rủi ro thiên tai được di dời đến nơi an toàn.

TT	Tên khu vực nguy cơ rủi ro thiên tai	Tổng số hộ gia đình (hộ)	Số hộ gia đình được di rời đến nơi an toàn (hộ)
1			
2			
3			
...			

Bảng III-2.4. Kết quả xây dựng bản đồ phân vùng rủi ro thiên tai cho phạm vi cả nước, chi tiết đến cấp xã đặc biệt đối với các khu vực có nguy cơ rủi ro cao

TT	Tên bản đồ	Tỷ lệ bản đồ	Loại hình rủi ro thiên tai	Phạm vi phân vùng (tên khu vực)
1				
2				
3				
...				

Bảng III-2.5. Kết quả xây dựng, nâng cấp, đảm bảo an toàn hệ thống công trình thủy lợi, thủy điện, phòng chống thiên tai

TT	Tên công trình	Địa điểm	Xây mới	Nâng cấp	Kinh phí (tr. đồng)
1					
2					
3					
...					

Bảng III-2.6. Tổng hợp tổn thất, thiệt hại do biến đổi khí hậu (kèm theo báo cáo chi tiết)

TT	Loại thiệt hại	ĐVT	Giá trị
1			
2			
3			
...			

Bảng III-2.7. Số lượng hồ chứa có phương án phòng lũ cho hạ du trong tình huống xả khẩn cấp và vỡ đập

TT	Tên hồ chứa	Địa điểm
1		
2		
3		
...		

IV. NGUỒN LỰC ĐẦU TƯ CHO THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

[Cung cấp thông tin theo bảng dưới đây]

Bảng IV. Kết quả nguồn lực đầu tư và quản lý, sử dụng nguồn lực đầu tư cho thích ứng biến đổi khí hậu

TT	Hạng mục	Kinh phí (tr. đồng)	Tỷ lệ so với tổng kinh phí (%)	Tỷ lệ giải ngân (%)
1	Ngân sách nhà nước			
2	Vốn hỗ trợ quốc tế (ODA vốn vay và không hoàn lại)			
3	Vốn từ khu vực tư nhân			
...				

V. KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ HỢP TÁC QUỐC TẾ

1. Nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ

[Cung cấp thông tin theo các bảng dưới đây]

Bảng V-1.1. Danh mục chương trình, nhiệm vụ khoa học và công nghệ phục vụ thích ứng với biến đổi khí hậu

TT	Tên chương trình, nhiệm vụ	Kinh phí dự kiến (tr. đồng)
1		
2		
3		
...		

Bảng V-1.2. Danh mục công nghệ cho hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu được ứng dụng

TT	Tên công nghệ mới cho hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu	Địa điểm áp dụng	Tóm tắt quy mô, đối tượng hưởng lợi
1			
2			
3			
...			

Bảng V-1.3. Số lượng sáng chế, giải pháp hữu ích phục vụ thích ứng với biến đổi khí hậu được nộp đơn, cấp bằng, ứng dụng trong thực tiễn

TT	Tên sáng chế, giải pháp hữu ích	Địa điểm áp dụng	Tóm tắt quy mô, đối tượng hưởng lợi
1			
2			
3			
...			

2. Hợp tác quốc tế

[Cung cấp thông tin theo các bảng dưới đây]

Bảng V-2.1. Danh mục các điều ước, thỏa thuận quốc tế về biến đổi khí hậu ký kết và thực hiện

TT	Tên điều ước, thỏa thuận	Thời gian có hiệu lực	Cơ quan tham gia
1			
2			
3			
...			

Bảng V-2.2. Kết quả thu hút, vận động hỗ trợ cho các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu

TT	Tên chương trình, dự án	Thời gian thực hiện	Địa điểm thực hiện	Kinh phí dự kiến (tr. đồng)
1				
2				
3				
...				

VI. ĐÀO TẠO, TUYÊN TRUYỀN, NÂNG CAO NHẬN THỨC

[Cung cấp thông tin theo các bảng dưới đây]

Bảng VI-1.1. Kết quả đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ về biến đổi khí hậu

TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Số lượng
1	Số lượng công chức, viên chức, người lao động được đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ		
2	Số lượng cơ sở giáo dục, đào tạo giảng dạy về biến đổi khí hậu		

Bảng VI-1.2. Kết quả hoạt động tuyên truyền, nâng cao nhận thức về biến đổi khí hậu

TT	Tên chương trình, hoạt động tuyên truyền, nâng cao nhận thức thích ứng với biến đổi khí hậu	Địa điểm thực hiện	Tỷ lệ người dân tham gia so với tổng dân số (%)
1			
2			
3			
...			

C. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN, NHỮNG KHÓ KHĂN, TỒN TẠI VÀ KIẾN NGHỊ

1. Đánh giá kết quả thực hiện

[Nêu đánh giá tổng quát về thực hiện các nội dung thích ứng với biến đổi khí hậu theo các chỉ số giám sát, đánh giá; đối với các báo cáo từ năm thứ 2, cần có sự so sánh về kết quả đạt được so với năm trước đó]

2. Khó khăn, tồn tại

[Phân tích những khó khăn, tồn tại, bao gồm các quy trình, thủ tục, cơ chế phối hợp, quy định tài chính, các vấn đề chuyên môn, v.v...]

3. Kiến nghị

[Nêu các kiến nghị, đề xuất để tháo gỡ những khó khăn, tồn tại đã nêu].